TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2019/DS-PT
Ngày: 27/3/2019
V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Của

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 281/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2018/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo và Viện trưởng Viện Kiểm sát tỉnh Bến Tre kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 140/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn Bé E, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976. Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn Mỏ Cày, huyện N, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền đề ngày 04/11/2015) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971; (có mặt)

3.2. Anh Lê Hoàng T, sinh năm 1989; (có mặt)

3.3. Anh Lê Hoàng M, sinh năm 1992; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn U – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- ***Người kháng cáo*:** Ông Lê Văn Bé E là nguyên đơn; ông Lê Văn B – bị đơn trong vụ án.

- ***Viện Kiểm sát kháng nghị:*** Viện trưởng Viện Kiểm sát tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2014, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, các biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Trước năm 2005, bà nội ông Lê Văn Bé E là cụ Đặng Thị C quản lý, sử dụng thửa đất số 81, tờ bản đồ 01, diện tích 7.400m^2, tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre. Cụ C có 01 con duy nhất là ông Lê Văn B1 (là cha của ông Lê Văn B và Lê Văn Bé E) hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước được công nhận là liệt sĩ nên cụ C được Ủy ban nhân dân xã Đ xây dựng cho 01 căn nhà tình nghĩa diện tích 36m^2. Căn nhà này hiện do ông Bé E quản lý và ở chung hộ với cụ C từ năm 1990. Ông nội tên Lê Văn S đã sống cách ly với bà nội từ khi mới sinh ra cha ông, không có vợ khác cũng như không có ai có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến di sản của bà nội ông. Cụ S chết năm 2004. Tháng 12/2015, cụ C bệnh già chết. Đến tháng 4/2014, ông Bé E phát hiện ông Lê Văn B tự làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 81 mà không thông qua cụ C và ông Bé E. Nhiều lần, ông Bé E thỏa thuận với ông B chia di sản nêu trên từ khi bà nội chết để lại nhưng ông B chỉ hứa mà không thực hiện.

Nay ông Bé E yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn B theo Quyết định số 1991/QĐ-UB cấp ngày 22/7/2002 của Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày (nay là Ủy ban nhân dân huyện N) với lý do quy trình xét cấp giấy chứng nhận từ xã đến huyện vi phạm Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính và ông yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật, cụ thể ông Lê Văn B nhận 3.345,3m^2 đất gồm thửa 75E diện tích 517,5m^2; thửa 75F diện tích 109,8m^2; thửa 75B diện tích 837,3m^2; thửa 75C diện tích 966,7m^2 và ½ diện tích thửa thửa 75A là 914m^2. Ông Bé E nhận phần còn lại là 4.334,9m^2 đất gồm thửa 75D diện tích 3.420,9m^2 và ½ thửa 75A là 914,1m^2. Về căn nhà tình nghĩa do ông Bé E đang quản lý nên không yêu cầu phân chia. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu chia thửa 75A có diện tích tương đồng với ông B. Về cây trồng trên đất đều do ông Bé E và ông B trồng tương đối đồng đều trên các thửa đất mà ông Bé E và ông B đang sử dụng nên khi phân chia không bên nào phải bồi hoàn giá trị cây trồng. Về vật kiến trúc, phần đất ông Bé E yêu cầu nếu được chấp nhận mà có vật kiến trúc của ông B thì đồng ý hoàn trả giá trị cho ông B theo kết quả định giá. Về kết quả đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, ông Bé E đồng ý, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Tại bản tự khai, đơn phản tố ngày 29/5/2018, các biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn B trình bày:

Từ nhỏ lớn lên ông sống cùng với bà nội là cụ Đặng Thị C vì cha là ông Lê Văn B1 đã hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, mẹ có chồng khác và ông có 01

người em duy nhất là Lê Văn Bé E. Ông không biết ông nội ông ở đâu vì từ nhỏ đến giờ ông không nghe bà nội và ai nhắc đến và ông cho rằng không còn ai có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến di sản của bà nội ông. Trong thời gian sống chung với bà nội, khi bà nội lớn tuổi thì bà giao trọn quyền sử dụng đất cho ông quản lý. Trong phần đất này, ông có đổi 02 công đất của bà Lê Thị D vào năm 1983 theo đo đạc thuộc thửa 75B, một phần thửa 75E và một phần thửa 75C về nhập chung trong phần đất của bà nội ông. Năm 1995, ông đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đất thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.400m^2 từ năm 2002 đến nay (theo đo đạc thực tế là 7.680,3m^2, thuộc thửa số 75, tờ bản đồ số 7). Ông Bé E cho rằng ông tự kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không đồng ý. Trước đây, khi hòa giải ở địa phương, ông đồng ý để phần đất cho ông Bé E đang sử dụng ở nhờ từ trước giờ khi nào ông Bé E không sử dụng nữa thì trả lại cho ông, ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông Bé E, yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích nói trên cho ông, trường hợp phải chia thừa kế theo quy định pháp luật thì phần tài sản của ông trên phần đất chia không yêu cầu hoàn trả giá trị. Về kết quả đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, ông B đồng ý, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng T trình bày:

Anh thống nhất với phần trình bày của ông B, nguồn gốc đất là của bà cụ anh cho cha anh và cha anh đi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình anh. Khi còn sống, bà cụ anh không có ý kiến hay tranh chấp gì. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định pháp luật. Do ông Bé E là em ruột của cha anh nên trước đây cha anh có để cho ông Bé E được sử dụng phần đất và vẫn giữ nguyên hiện trạng phân chia trước đây cho ông Bé E sử dụng nhưng do ông Bé E không đồng ý nên yêu cầu ông Bé E trả lại toàn bộ phần đất mà ông Bé E đang sử dụng cho gia đình anh. Anh không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình anh theo yêu cầu của ông Bé E. Về kết quả đo đạc, định giá, anh đồng ý, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Tại văn bản ý kiến số 1970/UBND-NC ngày 20/7/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N có ý kiến:

Năm 1995, đo đạc xã Đ, ông Lê Văn B đứng tên kê khai, đăng ký thửa đất số 81, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.400m^2 và được Hội đồng xét duyệt xã Đ trình Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày (nay là huyện N) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông B ngày 22/7/2002. Qua thẩm tra, xác minh, trong phần đất 7.400m^2 nêu trên có một phần diện tích khoảng 500m^2 do bà Đặng Thị C và ông Lê Văn Bé E quản lý, sử dụng và cất nhà ở vào khoảng năm 1990, sau này bà C được Nhà nước cất nhà tình nghĩa tại vị trí căn nhà trên. Nhận thấy tại thời điểm năm 2002, Hội đồng xét duyệt xã Đ xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn B nhưng chưa có ý kiến thống nhất của bà C và ông Bé E, đồng thời không thực hiện việc thẩm tra là chưa đúng với quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 1.2, mục 1 phần 2 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính quy định "Thủ tục đăng ký đất đai, xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Từ cơ sở trên,

Ủy ban nhân dân huyện N kiến nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2018/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Áp dụng các Điều 631, 632, 634, 635, 636, 645, 674, 675, 676, 685 và các Điều 733 Bộ luật Dân sự năm 2005; áp dụng Điều 688 Bộ luật sân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 5, 166, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 34, điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, 92, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn B theo Quyết định số 1991/QĐ-UB ngày 22/7/2002.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Bé E về việc chia di sản thừa kế. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Văn B về việc công nhận phần đất có diện tích 7.680,3m^2.

Cụ thể tuyên:

- Ông Lê Văn Bé E được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 3.345,3m2 thuộc các thửa đất ký hiệu 75B, 75C, 75E, 75F và thửa 75A1 (có họa đồ thửa đất kèm theo) và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

- Ông Lê Văn B được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 4.334,9m^2 thuộc các thửa đất ký hiệu 75D và thửa 75A2 (có họa đồ thửa đất kèm theo) và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục về quyền sử dụng đất theo luật định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thu thập chứng cứ, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 26/10/2018, ông Lê Văn B – bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu công nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông.

Ngày 30/10/2018, ông Lê Văn Bé E – nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông B hoàn lại cho ông phần giá trị đất được chia lệch dư 476,75m^2 và giá trị cây trồng trên thửa 75A2 theo giá của Hội đồng định giá; xem xét miễn, giảm án phí cho ông và xem lại phần án phí của ông B đối với phần phản tố không được chấp nhận.

Ngày 13/11/2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có Quyết định số 03/QĐKNPT-P9 kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 85/2018/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre; đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc ông Lê Văn B phải bồi hoàn giá trị cây trồng tại thửa 75A2 cho ông Lê Văn Bé E; tạm giao căn nhà tình nghĩa cho ông Bé E quản lý, sử dụng; không buộc ông Bé E và ông B chịu án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày:

Nguyên đơn xin rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu ông B trả giá trị cây trồng trên thửa 75A2, đề nghị giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của các bên, chỉ yêu

cầu bị đơn chia thêm một phần đất thuộc thửa 75C có diện tích 525m^2 cho đủ diện tích đất mà nguyên đơn được chia.

Bị đơn ông Lê Văn B trình bày:

Bị đơn yêu cầu giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của các bên và đồng ý mở một lối đi có chiều rộng 02m thuộc một phần thửa 75C để thuận tiện cho nguyên đơn đi vào quản lý, sử dụng các thửa đất bên trong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng T, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bị đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: nguyên đơn rút một phần kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn xin rút, những phần nào các đương sự đã thỏa thuận được thì sửa theo hướng các bên thỏa thuận. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu chia thêm diện tích 525m^2, còn bị đơn chỉ đồng ý chừa lối đi có diện tích 131,3m^2 thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị đơn, buộc bị đơn chừa lối đi cho nguyên đơn có lối đi vào các thửa đất của nguyên đơn. Đối với căn nhà tình nghĩa của cụ C, hiện tại ông Bé E đang quản lý, sử dụng, mặc dù các bên không tranh chấp nhưng Tòa án sơ thẩm không tuyên tạm giao cho một bên quản lý sử dụng là chưa giải quyết toàn diện vụ án. Ông B và ông E thuộc trường hợp được miễn án phí nhưng cấp sơ thẩm tuyên các đương sự phải chịu án phí là không đúng quy định, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xE xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn; kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 7.680,3m^2 thuộc thửa 75, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre được các bên đương sự thừa nhận có nguồn gốc của cụ Đặng Thị C (là bà nội của nguyên đơn và bị đơn). Ngày 22/7/2002, hộ ông Lê Văn B được Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày (nay là huyện N), tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ phần đất nêu trên (thửa cũ là thửa 81, diện tích 7.400m^2). Năm 2005, cụ C chết, không để lại di chúc. Theo lời trình bày của các bên đương sự thì cụ C có 01 người con duy nhất là cha của nguyên đơn, bị đơn ông Lê Văn B1 (liệt sĩ, hi sinh năm 1969), chồng cụ C là cụ Lê Văn S đã bỏ đi từ lâu và không có vợ con, cụ S chết năm 2004 và phần đất tranh chấp không có liên quan đến cụ S.

[2] Nguyên đơn ông Lê Văn Bé E yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày (nay là huyện N) cấp cho hộ ông Lê Văn B. Bị đơn ông Lê Văn B không đồng ý yêu cầu nguyên đơn và có yêu cầu phản tố vì cho rằng đây là trong phần đất tranh chấp có khoảng 2.000m^2 đất mà ông đã đổi với bà Lê Thị D (thuộc thửa 75B, một phần thửa 75E và một phần thửa 75C), phần còn lại là cụ C giao cho ông quản lý, sử dụng , vì vậy ông yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của ông.

[3] Xét thấy, thời gian cụ C còn sống đã phân chia đất cho nguyên đơn và bị đơn quản lý, sử dụng. Thực tế, ông Bé E quản lý, sử dụng các thửa 75A1, 75A2, 75B, 75F, 75E, các thửa đất còn lại là do bị đơn ông B quản lý, sử dụng. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất, cả nguyên đơn và bị đơn đều có công sức cải tạo đất và trồng cây trên phần đất mà các bên quản lý, trong đó phần diện tích đất nguyên đơn quản lý, sử dụng cũng đã được nguyên đơn yêu cầu đo tách có từng thửa đất riêng. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều yêu cầu phần đất của ai đã quản lý, sử dụng do cụ Đặng Thị C giao cho trước đây thì tiếp tục quản lý, sử dụng; phía nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thêm diện tích 525m^2 cho đủ diện tích đất theo định suất thừa kế theo pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ C là chưa có căn cứ. Từ khi được cụ C giao cho quản lý, sử dụng các thửa đất, nguyên đơn, bị đơn đã quản lý, sử dụng ổn định nên giữ nguyên hiện trạng đất hai bên đang sử dụng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn chia thêm một phần đất thuộc thửa 75C có diện tích 525m^2 cho đủ diện tích đất mà nguyên đơn được chia là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4] Các thửa đất ông B E đang quản lý, sử dụng gồm các thửa 75A1, 75A2, 75B, 75F, 75E, trong đó thửa 75E là giáp đường bê tông, còn các thửa đất còn lại nằm phía sau các thửa đất mà bị đơn đang quản lý. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu có lối đi để vào quản lý các thửa đất 75B, 75A1, 75A2 là phù hợp do các thửa đất này của nguyên đơn nằm ở phía trong, sau thửa 75C mà bị đơn đang quản lý và lối đi theo ông B chỉ tính từ ranh đất của ông Đ đo vào 03m là thuận tiện và ít gây thiệt hại cho bị đơn. Bị đơn cũng đồng ý dành cho nguyên đơn lối đi có chiều rộng 02m, diện tích 131,3m^2 thuộc thửa một phần thửa 75C và bị đơn đồng ý tự chặt bỏ những cây trồng, vật kiến trúc trên phần đất có lối đi mà không yêu cầu nguyên đơn bồi thường. Xét bị đơn đã tự nguyện mở lối đi cho nguyên đơn có chiều rộng 02m, diện tích 131,3m^2 thuộc thửa một phần thửa 75C là phù hợp nên ghi nhận.

[5] Trên phần đất tranh chấp (nằm trên thửa 75E) mà ông Bé E được nhận có 01 căn nhà tình nghĩa cũng là di sản của cụ C để lại mặc dù các bên đương sự không tranh chấp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên tạm giao cho một bên quản lý, sử dụng là thiếu sót. Đồng thời, thấy rằng căn nhà nêu trên hiện nguyên đơn đang quản lý, sử dụng nên tiếp tục giao cho nguyên đơn Lê Văn Bé E được tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp.

[6] Theo xác nhận của chính quyền địa phương ngày 19/7/2016, ông Bé E là con ông Lê Văn B1 (là liệt sĩ) nên ông Bé E và ông B thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng cấp sơ thẩm buộc ông Bé E và

ông B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên giá trị tài sản được chia và 5% giá trị tài sản yêu cầu không được chấp nhận là không đúng. Vì vậy, cấp phúc thẩm cần thiết phải sửa phần án phí cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Kháng cáo của ông Bé E và ông E được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm về việc ông Lê Văn Bé E kháng cáo yêu cầu trả giá trị cây trồng trên thửa 75A2, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn Bé E và bị đơn ông Lê Văn B.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2018/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre. Cụ thể tuyên:

Áp dụng các Điều 631, 632, 634, 635, 636, 645, 674, 675, 676, 685 và các Điều 733 Bộ luật Dân sự năm 2005; áp dụng Điều 688 Bộ luật sân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 5, 166, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 34, điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, 92, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Bé E về việc chia di sản thừa kế. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Văn B về việc công nhận phần đất có diện tích 7.680,3m^2. Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của các bên. Cụ thể:

- Ông Lê Văn Bé E được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 3.292,7m^2 thuộc các thửa đất ký hiệu 75A1, 75A2, 75B, 75F, 75E và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất. (có họa đồ thửa đất kèm theo)

- Hộ ông Lê Văn B được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 4.387,6m^2 thuộc các thửa đất ký hiệu 75C, 75D và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất. (có họa đồ thửa đất kèm theo)

2. Buộc hộ gia đình ông Lê Văn B mở lối đi có chiều ngang 02m, chiều dài trung bình 65,60m, diện tích 131,3m^2 thuộc một phần thửa 75C và tự chặt bỏ các cây trồng, vật kiến trúc trên phần đất có lối đi. Lối đi có chiều cao 2,5m tính từ mặt đất trở lên. Hộ ông Lê Văn B sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất trên phần đất có lối đi.

3. Tạm giao căn nhà tình nghĩa trên thửa 75E cho ông Bé E quản lý, sử dụng.

4. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn B theo Quyết định số 1991/QĐ-UB ngày 22/7/2002 của

Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày (nay là huyện N), tỉnh Bến Tre để điều chỉnh cấp quyền sử dụng đất lại cho ông Lê Văn Bé E và ông Lê Văn B đúng diện tích đất như bản án tuyên khi các bên có yêu cầu.

Ông Lê Văn Bé E và ông Lê Văn B có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký hạn chế quyền sử dụng đất về lối đi theo Điều 171 Luật Đất đai.

5. *Về án phí:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Lê Văn Bé E và ông Lê Văn E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn Bé E số tiền 6.495.000 (Sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0019208 ngày 07/01/2015 và số tiền 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0019760 ngày 21/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho ông Lê Văn B số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0016553 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Ông Lê Văn Bé E và ông Lê Văn E không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn Bé E số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0020858 ngày 31/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho ông Lê Văn B số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0020859 ngày 02/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre.

6. Về chi phí thu thập chứng cứ là 6.762.000 đồng, ông Bé E đã nộp tạm ứng trước. Do đó, ông B có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Bé E số tiền 3.381.000 (Ba triệu ba trăm tám mươi mốt ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện N (2b);
- Chi cục THADS huyện N (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Kim Của